

**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 730 /BC-CSTN

Tây Ninh, ngày 08 tháng 07 năm 2020.

**BÁO CÁO**

**Về việc sơ kết tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý II/2020  
và phương hướng kế hoạch quý III/2020**

**PHẦN I: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂY NINH**

**A/- TÌNH HÌNH SẢN XUẤT THÁNG 06/2020**

**1/- Sản lượng thu hoạch :**

Nông Trường	K.hoạch năm 2020 (tấn)	Tháng 06				Lũy kế thực hiện	
		Kế hoạch (tấn)	Thực hiện (tấn)	Tỷ lệ đạt %		Thực hiện (tấn)	Tỷ lệ % so KH năm
				KH tháng	KH năm		
-NT GÒ DẦU	1.550	116	180,844	155,6	11,7	499,037	32,2
-NT CẦU KHỞI	4.756	357	410,740	115,1	8,6	1.495,788	31,5
-NT BẾN CỬI	1.573	118	134,863	114,3	8,6	399,900	25,4
<b>CỘNG</b>	<b>7.879</b>	<b>591</b>	<b>726,447</b>	<b>122,9</b>	<b>9,2</b>	<b>2.394,725</b>	<b>30,4</b>

**2/- So sánh với cùng kỳ năm 2019**

a/-Tiền độ thực hiện :

Nông trường	% đạt KH tháng 06/KH năm			Lũy kế % đạt KH năm đến 30/06		
	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019
-NT GÒ DẦU	9,6	11,7	121,5	35,8	32,2	89,9
-NT CẦU KHỞI	10,2	8,6	84,7	35,9	31,5	87,6
-NT BẾN CỬI	10,0	8,6	85,7	38,5	25,4	66,0
<b>CỘNG</b>	<b>10,0</b>	<b>9,2</b>	<b>92,2</b>	<b>36,3</b>	<b>30,4</b>	<b>83,7</b>

b/- Chất lượng nguyên liệu :

Nông trường	H.lượng DRC b/quân tháng 06			Tỷ lệ mù tạp tháng 06		
	2019	2020	2020/2019	2019	2020	2020/2019
-NT GÒ DẦU	31,82	33,48	105,22	14,12	11,08	78,47
-NT CẦU KHỞI	38,08	38,80	101,89	12,97	13,24	102,08
-NT BẾN CỬI	35,70	37,08	103,87	15,00	14,25	95,00
<b>CỘNG</b>	<b>35,85</b>	<b>36,99</b>	<b>103,18</b>	<b>13,62</b>	<b>12,89</b>	<b>94,64</b>

**3/- Chế biến sản phẩm: ( Tấn )**

Diễn giải	NM Trung tâm	NM Bến Cúi	Tổng Số
<b>1. Tháng 6/2020:</b>	<b>915,633</b>	<b>190,177</b>	<b>1.105,810</b>
Trong đó : - Mù khai thác	617,678	56,905	674,583
+ Mù côm	143,692	56,905	200,597
+ Mù Latex	473,986	-	473,986
- Mù thu mua	-	52,920	52,920
- Mù gia công	297,955	80,352	378,307
<b>2. Lũy kế:</b>	<b>2.888,515</b>	<b>679,444</b>	<b>3.567,959</b>

Trong đó : - Mủ khai thác	1.912,810	337,814	2.250,624
+ Mủ côm	505,855	337,814	843,669
+ Mủ Latex	1.406,955	-	1.406,955
- Mủ thu mua	60,000	163,800	223,800
- Mủ gia công	915,705	177,830	1.093,535

**\*Cơ cấu chế biến mủ khai thác:**

TỔNG SỐ (tấn)	SVR3L	SVR5	SVR10	Ng.lệ	Latex	Tận thu	Skim
2.250,624 tấn	303,365	30,310	322,385	15,768	1.406,955	44,773	127,068
100 %	13,48	1,35	14,32	0,70	62,51	1,99	5,65

**4/- Giao, bán sản phẩm: (tấn)**

	6/2020	Lũy kế
<b>Tổng số:</b>	<b>1.227,620</b>	<b>3.793,130</b>
<b>Trong đó</b>		
- Mủ khai thác:	769,295	2.491,417
+ Mủ côm:	328,715	1.135,657
+ Latex:	440,580	1.355,760
- Mủ thu mua:	153,720	324,600
- Mủ gia công:	304,605	977,113

**5/- Sản phẩm tồn kho: (tấn)**

**Tổng số: 909,877**

Trong đó

- Mủ khai thác:	725,963
+ Mủ côm	304,718
+ Mủ RSS	3,400
+ Mủ Latex	417,845
- Mủ thu mua:	0
- Mủ gia công:	183,914

**6/- Công tác Nông nghiệp: quý II năm 2020**

**6.1 Vườn cây kinh doanh:**

- Thời gian mở cạo lại toàn bộ diện tích vườn cây vào ngày 17/4/2020. Thường xuyên kiểm tra công tác thu hoạch mủ tại 03 Nông trường.
- Làm hồ sơ thanh lý cao su để trồng tái canh năm 2021 với diện tích 456,65576 ha.
- Hoàn chỉnh các hồ sơ lựa chọn nhà thầu cung cấp máng chắn mưa và các loại phân bón cho vườn cây cao su năm 2020. Xây dựng kế hoạch thuốc kích thích bôi trên vườn cây kinh doanh năm 2020.

**a/- Kiểm tra quy trình kỹ thuật:**

Đơn vị	SL CN	Xếp lỗi kỹ thuật công nhân										Dầm (mm/dao)		Điểm lỗi	Xếp loại	
		Xuất sắc		Giỏi		Khá		T/bình		Kém		Ngửa	Úp			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		> 2m			≤ 2m
NTGD	257	10	3,9	217	84,4	29	11,3	1	0,4	0	0	1,3	3,3	2,3	3,7	Giỏi
NTCK	465	13	2,8	396	85,2	55	11,8	1	0,2	0	0	1,4	3,8	1,9	3,7	Giỏi
NTBC	173	3	1,7	127	73,4	36	20,8	7	4,0	0	0	1,3		2,1	4,7	Giỏi
Công ty	895	26	2,9	740	82,7	120	13,4	9	1,0	0	0	1,4	3,6	2,1	3,9	Giỏi

Nhìn chung, công tác thực hiện quy trình kỹ thuật trên vườn cây kinh doanh của 3 Nông trường đạt loại giỏi, điểm lỗi bình quân 3,9 điểm/công nhân, công tác vệ sinh được quan tâm và thực hiện tốt. Một số lỗi vi phạm chủ yếu hiện nay: cạo phạm, hao dăm, không vuông; Đặc biệt trên vườn cây cạo úp tình trạng cạo hao dăm vẫn đang khá phổ biến; Ngoài ra, tình trạng một số công nhân nghỉ cạo chưa được bố trí cạo choàng kịp thời vẫn còn xảy ra như ở đơn vị NTGD và NTBC.

b/- Trang bị máng chắn mưa và bôi thuốc kích thích:

Năm 2020, hầu hết các vườn cây đều được trang bị máng chắn mưa kịp thời và đầy đủ, không trang bị trên vườn cây tận thu thanh lý. Số lượng máng chắn mưa được trang bị trong năm là:

Đơn vị	Số lượng (cái)	
	Máng 65 (cm)	Máng 85 (cm)
NTGD	198.310	61.735
NTCK	868.915	220.785
NTBC	317.466	7.647
<b>Công ty</b>	<b>1.375.691</b>	<b>290.167</b>

**Số lượng kích thích sử dụng trong quý II:**

Đơn vị	Tháng 5 (kg)			Tháng 6 (Kg)			Cộng (Kg)		
	ET 1,25%	ET 2,5%	ET 5%	ET 1,25%	ET 2,5%	ET 5%	ET 1,25%	ET 2,5%	ET 5%
GD		511			709			1.220	
CK		972			1.246			2.218	
BC		184		82	196	40	82	380	40
<b>Cộng</b>	<b>0</b>	<b>1.667</b>	<b>0</b>	<b>82</b>	<b>2.151</b>	<b>40</b>	<b>82</b>	<b>3.818</b>	<b>40</b>

Ghi chú: VC trồng năm 2012, 2013-NTBC: ET 1,25%; VC Nhóm 1,2,3: ET 2,5%; VC thanh lý TC 2021: ET 5%.

c/- Công tác bón phân:

Hoàn chỉnh công tác bón phân vườn cây kinh doanh trong tháng 5/2020 tại 03 Nông trường. Diện tích sử dụng máy bón phân là 1.335 ha, chiếm tỷ lệ 41,5% trên tổng diện tích bón phân 3.216,2 ha. Số lượng phân bón như sau:

Vườn cây	Diện tích (ha)	Định mức (kg/ha)					Số lượng (tấn)				
		NPK 16-8-16	HCV S	Urea	Kali	Lân NC	NPK 16-8-16	HCVS	Urea	Kali	Lân NC
2013-2004	2.244,66	135	85				303,03	190,8	0,33	0,48	
2003-1997	852,03	158	110				134,62	93,72			
2010-2008	119,51			115	53	94			13,72	6,31	11,226
<b>T/cộng</b>	<b>3.216,20</b>						<b>437,65</b>	<b>284,52</b>	<b>14,05</b>	<b>6,79</b>	<b>11,226</b>

**6.2 Vườn cây KTCB và trồng mới tái canh :**

- Thực hiện công tác bón phân trên vườn cây KTCB trồng năm 2019 – 2015 với tổng diện tích là 2.047,0164 ha, với số lượng phân bón NPK 16-16-8 là 503.124 kg.

- Đến thời điểm hiện nay, tiến độ diện tích cưa cắt, giải phóng mặt bằng thực hiện được 541 ha, đạt tỷ lệ 97 % kế hoạch; diện tích còn lại khoảng 16 ha thuộc NTBC đang thực hiện cưa cắt thanh lý.

- Do tình hình khó khăn về nhân lực, công ty đã giao khoán bên ngoài trồng và chăm sóc cao su tái canh tại NT Gò Dầu, khu vực xã Thạnh Đức với diện tích 116,65 ha và khu vực xã Hiệp Thạnh với diện tích 113,82 ha.

- Công tác trồng tái canh đang thực hiện, lũy kế đến 30/6/2020 từng đơn vị cụ thể như sau:

+ NT Gò Dầu:	146,65 ha/ 146,65 ha, hoàn chỉnh.
+ NT Gò Dầu (GK Thạnh Đức):	68,57 ha/ 116,65 ha, tỷ lệ 58,8%.
+ NT Gò Dầu (GK Hiệp Thạnh):	41,88 ha/ 113,82 ha, tỷ lệ 36,8%.
+ NT Cầu Khởi:	50,27 ha/ 50,27 ha, hoàn chỉnh.
+ NT Bến Củi:	79,64 ha/ 125,64 ha, tỷ lệ 63,4%.
<b>Tổng cộng:</b>	<b>387,01 ha/ 553,04 ha, tỷ lệ 70%.</b>

### 6.3 Vườn ương – vườn nhân:

- Vườn ương năm 2019 – 2020: 4,67 ha, Trong đó: GD: 2,80 ha, CK: 0,53 ha, BC: 1,34 ha. Chuẩn bị tốt cây giống, đảm bảo chất lượng cây giống, đang giao cây giống phục vụ trồng tái canh 2020.

- Vườn nhân: 3 ha thuộc Nông trường Bến Cui, giống RRIV 1, RRIV 5, RRIV 124, RRIV 106, RRIC 121, IRCA 130, PB 255, RRIV 120, ... Phun thuốc phòng trị bệnh, bón phân, tưới nước thường xuyên.

### 6.4 Công tác phòng trị bệnh:

#### a/- Bệnh phấn trắng:

Công tác phun thuốc phòng bệnh phấn trắng trên vườn cây cao su kinh doanh được thực hiện từ ngày 09/01/2020 đến ngày 25/02/2020. Diện tích phun 3.201 ha/ 3.706 ha đạt tỷ lệ 86,4%, số liệu cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Vườn cây kinh doanh		Ghi chú
		Diện tích (ha)	Thực hiện (ha)	
1	NTGD	917,60833	635,24555	
2	NTCK	1.903,30758	1.868,46707	
3	NTBC	885,20357	697,76924	
<b>Công ty</b>		<b>3.706,11948</b>	<b>3.201,48186</b>	<b>86,4%</b>

Lượng thuốc sử dụng phun phòng trị bệnh trong năm 2020: Hexin: 3.496 lít, Kumulus: 124 kg, Bám dính: 3.578 lít, Komix rb: 2.428 lít.

#### b/- Bệnh *Corynespora*:

Năm 2020, thời tiết diễn biến phức tạp, một số ổ bệnh *Corynespora* năm 2019 trên vườn cây trồng năm 2005 - giống RRIV 4, bắt đầu xuất hiện bệnh sớm trong tháng 4/2020, cụ thể tại NT Bến Cui với diện tích 38,76 ha.

Thực hiện phun thuốc: 2 đợt, khoảng cách giữa 2 đợt là 7-10 ngày; Với nồng độ 0,2% Hexin + 0,2% bám dính. Đến nay, vườn cây được khống chế bệnh hiệu quả và không lây lan sang vườn cây khác.

c/- *Bệnh Nấm hồng*: đến thời điểm hiện tại, vườn cây vẫn chưa xuất hiện bệnh nấm hồng, các đơn vị Nông trường liên tục theo dõi, kiểm tra vườn cây để phát hiện và có hướng xử lý kịp thời.

#### \* Một số thuận lợi và khó khăn trong công tác nông nghiệp:

- Thuận lợi: công tác phun phòng trị bệnh đạt hiệu quả cao và thường xuyên theo dõi tình hình bệnh phấn trắng trong mùa thay lá nên vườn cây sớm có bộ lá ổn định, sẵn sàng cho việc mở cạo sớm. Thực hiện khảo sát, quy hoạch vô cạo sớm tạo điều kiện thuận lợi cho kế hoạch bố trí nhân lực, chia phần cây cạo và xây dựng kế hoạch vật tư trang bị vườn cây kinh doanh. Được sự quan tâm chỉ đạo của Ban Lãnh đạo Công ty, các phòng nghiệp vụ phối hợp cùng với ba nông trường nên đến hiện nay tình hình thực hiện sản lượng tuy có thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 nhưng tính đến ngày 30/6/2020 Công ty đạt 30,4% kế hoạch.

- Khó khăn:

+ Tình hình dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, bên cạnh thời tiết biến động bất thường, nắng hạn kéo dài, thời gian mở cạo trễ so với năm 2019, giá mù liên tục giảm, tình trạng công nhân xin nghỉ việc nhiều (tính đến hiện nay có hơn 83 lao động cạo mù nghỉ việc) làm ảnh hưởng đến việc thực hiện sản lượng khai thác vào đầu mùa cạo. Vườn cây cuối giai đoạn nhóm 2 và nhóm 3 thuộc NTGD có một số diện tích suy kiệt, tán lá thưa, nhỏ và nhiều năm nay không bón phân, ảnh hưởng đến sản lượng khai thác giảm.

+ Tình trạng rụng lá không đồng đều, dẫn đến cây ra lá theo từng tầng lá làm ảnh hưởng đến việc xác định thời điểm phun thuốc. Giai đoạn phun thuốc các đợt rơi vào thời gian nghỉ tết cổ truyền, ảnh hưởng đến việc bố trí nhân lực thực hiện phun thuốc cũng như hướng dẫn, kiểm tra.

+ Vườn cây nhóm 2 và nhóm 3 không phun thuốc phòng bệnh phấn trắng, bệnh xuất hiện tương đối nặng cấp bệnh từ cấp 3 - cấp 5, tỷ lệ bệnh 100%, chỉ số bệnh khá cao, gây rụng lá nhiều lần trên toàn bộ diện tích, bộ lá chưa ổn định.

#### 7/- Công tác XD CB :

Diễn giải	ĐVT	KH năm	TH đến 06/2020	% đạt KH
* Tổng nhu cầu vốn đầu tư	1,000 đ	253.593.528	17.527.275	6,9
- Vốn đầu tư XD CB	"	27.787.028	5.735.775	20,6

